TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MCB** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-7-2024
V/v " Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MCB, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Thái

Ông Nguyễn Phước Bình

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án

Ngày 25 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/5/2024, Thông báo dời ngày phiên tòa số 816/TB-TA ngày 06/6/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 937/2024 ngày 25/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn B, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp TL, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp TL, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Văn B trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị G tự nguyện kết hôn hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Thạnh Tân, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 09/12/2002. Trong quá trình chung sống với nhau thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Khoảng năm 2011, vợ chồng cùng đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, do mẹ ông tuổi cao hay bệnh tật nên ông yêu cầu vợ chồng về quê sinh sống nhưng vợ không đồng ý. Do đó, ông về quê một mình, vợ chồng ly thân với nhau. Đến đầu năm 2024, bà G mới về quê sinh sống.

Thời gian ly thân đã hơn 10 năm nên sống chung lại ông không chấp nhận do đã quen với cuộc sống hiện tại. Nay ông yêu cầu ly hôn với bà G

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Diễm M, sinh ngày 03/10/1998 và Ngô Thanh A, sinh ngày 10/02/1992. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông B khai không có nợ chung; tại phiên tòa ông B khai có nợ Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre số tiền 30.000.000đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Về quá trình tạo lập hôn nhân như ông B trình bày là đúng. Ông B có yêu cầu ly hôn bà không đồng ý vì bà còn thương chồng và không muốn ly hôn các con phải khổ. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông B vẫn cương quyết xin ly hôn nên bà đồng ý thuận tình ly hôn với ông B.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Ngô Diễm M, sinh ngày 03/10/1998 và Ngô Thanh A, sinh ngày 10/02/1992. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Ngô Văn B yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị G, địa chỉ cư trú: ấp TL, xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ các Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án "*Xin ly hôn*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

[2] Về hôn nhân: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KTT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre ngày 09/12/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, ông B và bà G khai không thống nhất thời điểm với nhau; Theo ông B là do vào khoảng năm 2011, vợ chồng đi làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng vì mẹ ông B tuổi cao bị bệnh nên ông đề nghị vợ chồng về quê sinh sống để lo cha mẹ già và con gái đang tuổi ăn học nhưng bà G không đồng ý và kêu ông B về trước lo nhà cửa rồi bà G về sau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Đến năm 2024, bà G mới về nhà chung sống nhưng do vợ chồng ly thân hơn 10 năm nay, nay bà G trở về sống chung ông không đồng ý nên xin ly hôn. Theo bà G, vợ chồng sống chung nhau đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về cách cư xử, về lối sống và

những mâu thuẫn ngày càng trầm trọng khi bà và ông B không sống chung với nhau nên ông B làm đơn ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn giữa ông B và bà G thực tế đã xảy ra, vợ chồng ông B bà G đã sống ly thân với nhau thời gian dài, nay bà G về sống chung nhà ông B nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, ông B vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, bà G cũng đồng ý ly hôn với ông B nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G có 02 con chung là Ngô Diễm M, sinh ngày 03/10/1998 và Ngô Thanh A, sinh ngày 10/02/1992. Các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa ngày 25/6/2024, ông Ngô Văn B khai có nợ chung Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bến Tre số tiền 30.000.000đồng, ông B đồng ý trả hết nợ cho Ngân hàng nên Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa; Ngày 26/6/2024, ông B cung cấp cho Tòa án Phiếu giao dịch thể hiện ông B đã trả hết nợ cho Ngân hàng; bà Nguyễn Thị G khai không có nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân*: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G có 02 con chung là Ngô Diễm M, sinh ngày 03/10/1998 và Ngô Thanh A, sinh ngày 10/02/1992. Các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về nợ chung*: Ông Ngô Văn B và bà Nguyễn Thị G khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông Ngô Văn B tự nguyện nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai thu số 0004564 ngày 23/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Ông Ngô Văn B đã nộp xong tiền án phí.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi Cục THADS huyện MCB;
- Các đương sự;
- UBND xã KTT;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Mưa Lớn Võ Văn Hùng Nguyễn Thị Đoan Trang